

Số: 24 /TB-STNMT

Quảng Bình, ngày 30 tháng 4 năm 2016

VP HĐND VÀ UBND TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 86

ĐẾN Ngày: 4.5.2016

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC BIỂN
VEN BỜ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thực hiện Công văn số 1511/BTNMT-TCMT ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá chất lượng nước biển ven bờ tại 4 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên-Huế và Thông báo số 761/TB-VPUBND ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Văn phòng UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Hữu Hoài tại buổi làm việc với chủ nhà hàng, khách sạn về tình hình kinh doanh du lịch, dịch vụ trước tình hình cá chết bất thường trên biển.

Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường phối hợp với một số đơn vị kỹ thuật có năng lực ở khu vực miền Trung thực hiện quan trắc, phân tích nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước biển ven bờ của tỉnh Quảng Bình trước tình hình cá chết bất thường trên biển chưa rõ nguyên nhân trong thời gian qua.

Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ được tổng hợp từ Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường Quảng Bình, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Thừa Thiên Huế, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2 - Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, thực hiện tại 04 điểm quan trắc ngày 28 tháng 4 năm 2016 gồm bãi tắm Vũng Chùa, bãi tắm Đá Nhảy, bãi tắm Nhật Lệ và bãi tắm Hải Ninh và so sánh với Quy chuẩn Việt Nam QCVN 10-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển phục vụ mục đích thể thao, giải trí dưới nước, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường biển và các mục đích khác cho thấy, các mẫu nước được quan trắc, phân tích đều đạt Quy chuẩn và phù hợp với kết quả quan trắc, phân tích do Trung tâm Quan trắc môi trường - Tổng cục Môi trường thực hiện được công bố tại Công văn số 274/QTMT ngày 29 tháng 4 năm 2016.

Nay, Sở Tài nguyên và Môi trường công bố kết quả quan trắc để các địa phương và nhân dân được biết. Sở sẽ công bố kịp thời kết quả của các đợt quan trắc tiếp theo. /

Nơi nhận:

- Bộ TNMT;
- Tổng cục MT;
- TT. Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- Báo Quảng Bình;
- Lưu VT, CCMT.



GIÁM ĐỐC

Lê Minh Ngân



KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC BIỂN VEN BỜ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

Kèm theo Thông báo số: 24 /TB-STNMT ngày 30 tháng 4 năm 2016
của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình)

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả quan trắc				QCVN 10-MT:2015/BTNMT		
				B1	B2	B3	B4	Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh	Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước	Các nơi khác
I Kết quả quan trắc do Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường Quảng Bình phân tích										
1	pH	TCVN 6492: 2011		8,2	8,2	8,2	8,1	6,5-8,5	6,5-8,5	6,5-8,5
2	Ôxy hoà tan (DO)	TCVN 7325:2005	mg/l	6,65	6,79	6,80	6,77	≥ 5	≥ 4	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	33	31	30	29	50	50	-
4	Amôni (NH ⁺ ₄) (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	<0,025	<0,025	<0,025	<0,025	0,1	0,5	0,5
5	Florua (F ⁻)	Hach 8029	mg/l	0,97	1,50	1,49	1,50	1,5	1,5	1,5
6	Asen (As)	SMEWW3113B;2005	mg/l	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	0,02	0,04	0,05
7	Cadimi (Cd)	SMEWW3113B;2005	mg/l	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	0,005	0,005	0,01
8	Chì (Pb)	SMEWW3113B;2005	mg/l	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	0,05	0,05	0,1
9	Kẽm (Zn)	TCVN 6193:1996	mg/l	0,07	0,06	0,05	0,08	0,5	1,0	2,0
10	Sắt (Fe)	TCVN 6193:1996	mg/l	0,17	0,04	0,04	0,11	0,5	0,5	0,5
II Kết quả quan trắc do Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Thừa Thiên Huế phân tích										
11	Phosphat (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	<0,016	≤0,016	<0,016	<0,016	0,2	0,3	0,5
12	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/l	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,01	0,01	0,01
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	TCVN 6658: 2000	mg/l	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	0,02	0,05	0,05
14	Tổng Crom	SMEWW 3113B:2012	mg/l	<0,0015	<0,0015	<0,0015	<0,0015	0,1	0,2	0,5
15	Đồng (Cu)	TCVN 6193:1996	mg/l	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	0,2	0,5	1,0

2 B

16	Mangan (Mn)	SMEWW3113B;2012	mg/l	< 0,039	<0,039	<0,039	<0,039	0,5	0,5	0,5
17	Thủy ngân (Hg)	TCVN 7877; 2008	mg/l	<4,6x10 ⁻⁴	<4,6x10 ⁻⁴	<4,6x10 ⁻⁴	<4,6x10 ⁻⁴	0,001	0,002	0,005
18	Tổng Phenol	TCVN 6216: 1996	mg/l	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,03	0,03	0,03
19	Tổng dầu mỡ khoáng	TCVN 5070: 1995	mg/l	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	0,5	0,5	0,5
20	Coliform	TCVN 6187-2:2009	MPN/100ml	4	9	23	<3	1000	1000	1000
III Kết quả quan trắc do Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2 phân tích										
21	Aldrin	USEPA 8270D	mg/l	< 0,001	< 0,001	< 0,001	< 0,001	0,1	0,1	0,1
22	Benzene hexachloride (BHC)	USEPA 8270D	mg/l	< 0,001	< 0,001	< 0,001	< 0,001	0,02	0,02	0,02
23	Dieldrin	USEPA 8270D	mg/l	< 0,001	< 0,001	< 0,001	< 0,001	0,1	0,1	0,1
24	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs)	USEPA 8270D	mg/l	< 0,001	< 0,001	< 0,001	< 0,001	1,0	1,0	1,0
25	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	USEPA 8270D	mg/l	< 0,001	< 0,001	< 0,001	< 0,001	0,2	0,2	0,2

- Ghi chú: - B1: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Vũng Chùa, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch
- B2: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Đá Nhảy, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch
- B3: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới
- B4: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh
- Dấu (-) là không quy định
- Ngày lấy mẫu: 28/4/2016



Số/Nº: 483/1-KB/1378 /KT2-HC2

Ngày/Date of issue: 29/4/2016

Trang/Page: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample: **NƯỚC BIỂN TẠI BÃI TÂM BIÊN VŨNG CHÙA – XÃ QUẢNG ĐÔNG – QUẢNG TRẠCH – QUẢNG BÌNH**
- Khách hàng/Client: **TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG QUẢNG BÌNH**
- Địa chỉ/Address: **105 đường Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình**
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving: **28/4/2016**
- Ngày thử nghiệm/Date of testing: **từ ngày/from: 28/4/2016 đến ngày/to: 29/4/2016**
- Tình trạng mẫu/State of sample: **Mẫu khoảng 3 lít, được chứa trong chai nhựa.**
- Ký hiệu mẫu/Mark of sample: **B1**
- Số lượng mẫu/Quantity: **01**
- Kết quả thử nghiệm/Test results:

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH Test properties, unit	PHƯƠNG PHÁP THỬ Test methods	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test results
1.	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ – γ- BHC – α- BHC – β- BHC – δ- BHC – Heptachlor – Aldrin – Heptachlor Epoxide – Dieldrin – DDT	µg/L US EPA method 8270D	 KPH (< 0,001) KPH (< 0,001) KPH (< 0,001) KPH (< 0,001) KPH (< 0,001) KPH (< 0,001) KPH (< 0,001) KPH (< 0,001) KPH (< 0,001)

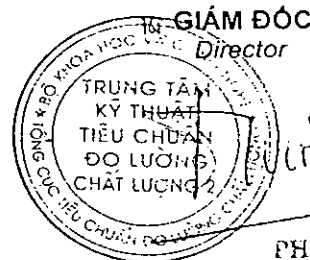
Ghi chú/Notes:

- KPH: không phát hiện/Not detectable
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/The sample, mark, client are named by client's requirements.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến/The test results are valid only for the received sample from client.
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/This test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2.

PHỤ TRÁCH PHÒNG KỸ THUẬT 8
Head of Technical Division 8

Huỳnh Quốc Ân

KT2.QT.30/B.04/15.4.2015



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phú Tuấn



TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG QUẢNG BÌNH
CENTRE OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND TECHNOLOGY

ĐC: 105 Hữu Nghị - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Tel: 052. 3844792 - 052. 3859575 - 052. 3859577

Fax: 052. 3844792

Số: 53 /TNN- QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số: 1/1

No:

TEST REPORT

Page:

1. Tên mẫu: Nước biển
2. Khách hàng: Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Bình
Địa chỉ: 105 Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
3. Mục đích: Kiểm tra chất lượng nước biển
4. Số lượng mẫu: 01
5. Ngày nhận mẫu: 28/4/2016
6. Ngày phân tích: 28 - 29/4/2016.
7. Mẫu do khách hàng gửi:
8. Mẫu do bộ phận quan trắc môi trường lấy:
9. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN10-MT:2015/BTNMT (Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước)
1	pH	TCVN 6492: 2011		8,2	6,5-8,5
2	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2005	mg/l	6,79	≥4
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	31	50
4	Amoni, (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	<0.025	0,5
5	Florua	Hach 8029	mg/l	1,50	1,5
6	Asen	SMEWW3113B;2005	mg/l	<1,84x10 ⁻³	0,04
7	Cadimi	SMEWW3113B;2005	mg/l	<0,31x10 ⁻³	0,005
8	Chì	SMEWW3113B;2005	mg/l	<1,22x10 ⁻³	0,05
9	Kẽm	TCVN 6193:1996	mg/l	0,06	1,0
10	Sắt	TCVN 6193:1996	mg/l	0,04	0,5

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã kiểm tra.

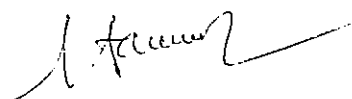
Vị trí lấy mẫu:

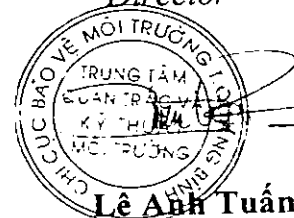
Nước biển tại bãi tắm Đá Nhảy, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đồng Hới, ngày 29 tháng 4 năm 2016.

Trưởng bộ phận thí nghiệm
Head of environmental laboratory

Giám đốc
Director


Nguyễn Như Sáng





TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG QUẢNG BÌNH

CENTRE OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND TECHNOLOGY

ĐC: 105 Hữu Nghị - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Tel: 052. 3844792 - 052. 3859575 - 052. 3859577

Fax: 052. 3844792

Số: 54/TNN-QTMT

No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Trang số: 1/1

Page:

- Tên mẫu: Nước biển
- Khách hàng: Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Bình
Địa chỉ: 105 Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
- Mục đích: Kiểm tra chất lượng nước biển
- Số lượng mẫu: 01
- Ngày nhận mẫu: 28/4/2016
- Ngày phân tích: 28 - 29/4/2016.
- Mẫu do khách hàng gửi:
- Mẫu do bộ phận quan trắc môi trường lấy:
- Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN10-MT:2015/BTNMT (Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước)
1	pH	TCVN 6492: 2011		8,2	6,5-8,5
2	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2005	mg/l	6,80	≥4
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	30	50
4	Amoni, (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	<0,025	0,5
5	Florua	Hach 8029	mg/l	1,49	1,5
6	Asen	SMEWW3113B;2005	mg/l	<1,84×10 ⁻³	0,04
7	Cadimi	SMEWW3113B;2005	mg/l	<0,31×10 ⁻³	0,005
8	Chì	SMEWW3113B;2005	mg/l	<1,22×10 ⁻³	0,05
9	Kẽm	TCVN 6193:1996	mg/l	0,05	1,0
10	Sắt	TCVN 6193:1996	mg/l	0,04	0,5

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã kiểm tra.

Vị trí lấy mẫu:

Nước biển tại bãi tắm Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

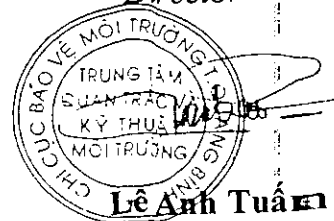
Trưởng bộ phận thí nghiệm
Head of environmental laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 29 tháng 4 năm 2016.

Giám đốc

Director



Lê Anh Tuấn



TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG QUẢNG BÌNH
CENTRE OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND TECHNOLOGY

ĐC: 105 Hữu Nghị - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Tel: 052. 3844792 - 052. 3859575 - 052. 3859577

Fax: 052. 3844792

Số: 55 /TNN-QTMT

No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Trang số: 1/1

Page:

1. Tên mẫu: Nước biển
2. Khách hàng: Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Bình
Địa chỉ: 105 Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
3. Mục đích: Kiểm tra chất lượng nước biển
4. Số lượng mẫu: 01
5. Ngày nhận mẫu: 28/4/2016
6. Ngày phân tích: 28 - 29/4/2016.
7. Mẫu do khách hàng gửi:
8. Mẫu do bộ phận quan trắc môi trường lấy:
9. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN10-MT:2015/BTNMT (Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước)
1	pH	TCVN 6492: 2011		8,1	6,5-8,5
2	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2005	mg/l	6,77	≥4
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	29	50
4	Amoni, (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	<0,025	0,5
5	Florua	Hach 8029	mg/l	1,50	1,5
6	Asen	SMEWW3113B;2005	mg/l	<1,84x10 ⁻³	0,04
7	Cadimi	SMEWW3113B;2005	mg/l	<0,31x10 ⁻³	0,005
8	Chì	SMEWW3113B;2005	mg/l	<1,22x10 ⁻³	0,05
9	Kẽm	TCVN 6193:1996	mg/l	0,08	1,0
10	Sắt	TCVN 6193:1996	mg/l	0,11	0,5

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã kiểm tra.

Vị trí lấy mẫu:

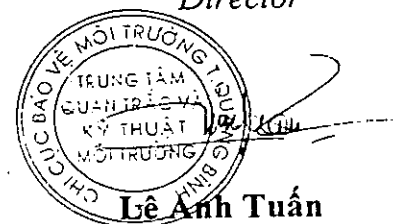
Nước biển tại bãi tắm Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Đồng Hới, ngày 29 tháng 4 năm 2016.

Trưởng bộ phận thí nghiệm
Head of environmental laboratory

Giám đốc
Director

Nguyễn Như Sáng



Lê Anh Tuấn



TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG QUẢNG BÌNH
CENTRE OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND TECHNOLOGY

ĐC: 105 Hữu Nghị - TP. Đồng Hới - Quảng Bình
Tel: 052. 3844792 - 052. 3859575 - 052. 3859577

Fax: 052. 3844792

Số: 56/TNN-QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số: 1/1

No:

TEST REPORT

Page:

1. Tên mẫu: Nước biển
2. Khách hàng: Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Bình
Địa chỉ: 105 Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
3. Mục đích: Kiểm tra chất lượng nước biển
4. Số lượng mẫu: 01
5. Ngày nhận mẫu: 28/4/2016
6. Ngày phân tích: 28 - 29/4/2016.
7. Mẫu do khách hàng gửi:
8. Mẫu do bộ phận quan trắc môi trường lấy:
9. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN10-MT:2015/BTNMT (Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước)
1	pH	TCVN 6492: 2011		8,2	6,5-8,5
2	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2005	mg/l	6,65	≥4
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	33	50
4	Amoni, (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	<0,025	0,5
5	Florua	Hach 8029	mg/l	0,97	1,5
6	Asen	SMEWW3113B;2005	mg/l	<1,84x10 ⁻³	0,04
7	Cadimi	SMEWW3113B;2005	mg/l	<0,31x10 ⁻³	0,005
8	Chì	SMEWW3113B;2005	mg/l	<1,22x10 ⁻³	0,05
9	Kẽm	TCVN 6193:1996	mg/l	0,07	1,0
10	Sắt	TCVN 6193:1996	mg/l	0,17	0,5

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã kiểm tra.

Vị trí lấy mẫu:

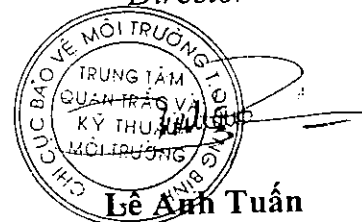
Nước biển tại bãi tắm Vũng Chùa, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đồng Hới, ngày 29 tháng 4 năm 2016.

Trưởng bộ phận thí nghiệm
Head of environmental laboratory

Giám đốc
Director

Nguyễn Như Sáng



Lê Anh Tuấn



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THỪA THIÊN HUỆ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

THUA THIEN HUE DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
CENTER OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENTAL MONITORING

Addr: 173 Phạm Văn Đồng Str., Huế City
Email: coventh@gmail.com
Tel: 054.3935206-3935205
Fax: 054.3935206

Số/Ref: 02/160429/KQPT

Ngày/Date: 29/4/2016

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

(Kết quả tổng phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu)
(These test result are valid only for this tested sample)

1. Tên mẫu (Name of sample) : NƯỚC BIỂN
2. Ký hiệu mẫu (Mark of sample) : NB₃; NB₄
3. Số phiếu yêu cầu TN (No of sample) : 48/YCTN/TTQTH
4. Ngày nhận mẫu (Date of Receiving) : 28/4/2016
5. Số lượng mẫu (Quantity) : 02
6. Tên khách hàng (Client) : Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường Quảng Bình
7. Thông tin mẫu (Information of sample) : Không có

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Test Results)

TT (N ^o)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Phương pháp thử (Test methods)	ĐV (Unit)	Kết quả (Test results)	
				NB ₃	NB ₄
1.	PO ₄ ³⁻ -P	TCVN 6202:2008	mg/l	<0,016	<0,016
2.	CN	TCVN 6181:1996	mg/l	<0,005	<0,005
3.	Cr (VI)	TCVN 6638:2000	mg/l	<0,009	<0,009
4.	Cu	TCVN 6104:1996	mg/l	<0,051	<0,051
5.	Mn	SM 4568-3-2012	mg/l	<0,039	<0,039
6.	Hg	CYS 7877:2008	μg/l	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴
7.	Tổng dầu mỡ khoáng	TCVN 5070:1995	mg/l	<0,3	<0,3
8.	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	mg/l	<0,005	<0,005

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(Vice Head of Laboratory)

Nguyễn Đình Phước

GIÁM ĐỐC
(Director)

ThS. Đặng Phước Bình





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

THUA THIEN HUE DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
CENTER OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENTAL MONITORING

Add: 173 Phạm Văn Dong Str., Huế City
Email: conrem.th@gmail.com
Tel: 054.3935206-3935205
Fax: 054.3935206

Số/Ref: 02/160430/KQPT

Ngày/Date: 30/4/2016

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

(Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu)
(These test result are valid only for this tested sample)

- 1. Tên mẫu (Name of sample) : NƯỚC BIỂN
- 2. Ký hiệu mẫu (Mark of sample) : NB₃; NB₄
- 3. Số phiếu yêu cầu TN (N₀ of sample) : 48/YCTN/TTQTH
- 4. Ngày nhận mẫu (Date of Receiving) : 28/4/2016
- 5. Số lượng mẫu (Quantity) : 02
- 6. Tên khách hàng (Clien) : Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường Quảng Bình
- 7. Thông tin mẫu (Information of sample) : Không có

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Test Results)

TT (N ^o)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị (Unit)	Kết quả (Test results)	
				NB ₃	NB ₄
1.	Cr tổng	QCVN 31:SB-2012	mg/l	<0,0015	<0,0015
2.	Coliform	TCVN 6187-2:2009	MPN/100ml	23	<3

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
(Vice Head of Laboratory)

GIÁM ĐỐC
(Director)

Nguyễn Đình Phước

ThS Đặng Phước Bình



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THỪA THIÊN HUỆ
 TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 THUA THIEN HUE DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
 CENTER OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENTAL MONITORING

Add: 173 Phạm Văn Đồng Str., Huế City
 Email: courcm.th@gmail.com
 Tel: 054.3935206-3935205
 Fax: 054.3935206

Số/Ref: 01/160429/KQPT

Ngày/Date: 29/4/2016

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 TEST REPORT**

(Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu)
 (These test result are valid only for this tested sample)

- 1. Tên mẫu (Name of sample) : NƯỚC BIỂN
- 2. Ký hiệu mẫu (Mark of sample) : NB₁; NB₂
- 3. Số phiếu yêu cầu TN (No of sample) : 48/YCTN/TTQTH
- 4. Ngày nhận mẫu (Date of Receiving) : 28/4/2016
- 5. Số lượng mẫu (Quantity) : 02
- 6. Tên khách hàng (Clien) : Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường Quảng Bình
- 7. Thông tin mẫu (Information of sample) : Không có

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Test Results)

TT (N ^o)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Phương pháp thử (Test methods)	ĐV (Unit)	Kết quả (Test results)	
				NB ₁	NB ₂
1.	PO ₄ ³⁻ -P	TCVN 6202:2008	mg/l	<0,016	<0,016
2.	CN ⁻	TCVN 6184:1996	mg/l	<0,005	<0,005
3.	Cr (VI)	TCVN 6658:2000	mg/l	<0,009	<0,009
4.	Cu	TCVN 6193:1996	mg/l	<0,051	<0,051
5.	Mn	TCVN 6122:2012	mg/l	<0,039	<0,039
6.	Hg	TCVN 6122:2012	ng/l	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴
7.	Tổng dầu mỡ khoáng	TCVN 5070:1995	mg/l	<0,3	<0,3
8.	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	mg/l	<0,005	<0,005

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 (Vice Head of Laboratory)

Nguyễn Đình Phước

GIÁM ĐỐC
 (Director)

ThS. Đặng Phước Bình



Số/Ref: 01/160430/KQPT

Ngày/Date: 30/4/2016

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu)
(These test result are valid only for this tested sample)

- 1. Tên mẫu (Name of sample) : NƯỚC BIỂN
- 2. Ký hiệu mẫu (Mark of sample) : NB₁; NB₂
- 3. Số phiếu yêu cầu TN (N_o of sample) : 48/YCTN/TTQTH
- 4. Ngày nhận mẫu (Date of Receiving) : 28/4/2016
- 5. Số lượng mẫu (Quantity) : 02
- 6. Tên khách hàng (Client) : Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường Quảng Bình
- 7. Thông tin mẫu (Information of sample) : Không có

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (Test Results)

TT (N ^o)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Phương pháp thử (Test methods)	ĐV (Unit)	Kết quả (Test results)	
				NB ₁	NB ₂
1.	Cr tổng	SM 4459-2012	mg/l	0,0015	<0,0015
2.	Coliform	TC 1872-2009	MPN/100ml	4	9

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
(Vice Head of Lab)

Nguyễn Đình Phước

GIÁM ĐỐC
(Director)

ThS. Đặng Phước Bình